**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **%****Tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** | **Thời gian*****(phút)*** |
| ***Số CH*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian******(phút)***  | ***Số CH*** | ***Thời gian******(phút)***  | ***Số CH*** | ***Thời gian*** ***(phút)***  | ***TN*** | ***TL*** |
| 1 | A. Địa lí dân cư Việt Nam | A.1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cưA.2. Lao động và việc làm A.3. Đô thị hóa | 2 | 1,50 | 2 | 2,50 | 1\* | 5,00 | 1\*\* | 0 | 4 | 1 | 9,00 | 20 |
| 2 | B. Công cuộc Đổi mới và hội nhập- chuyển dịch cơ cấu kinh tế | B. Công cuộc Đổi mới và hội nhập -chuyển dịch cơ cấu kinh tế | 1 | 0,75 | 2 | 2,50 | 1\* | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 3,25 | 10 |
| 3 | C. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam  | C.1. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp.C.2. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp. | 5 | 3,75 | 4 | 5,00 | 1\* | 0 | 1\*\* | 8 | 8 | 1 | 16,75 | 30 |
| 4 | D. Kĩ năng | Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | 8 | 6,00 | 4 | 5,00 | 1 | 5,00 | 0 | 0 | 12 | 1 | 16,00 | 40 |
| **Tổng** | **16** | **12** | **12** | **15** | **2** | **10** | **1** | **8** | **28** | **3** | **45,00** | **100** |
| **Tỉ lệ %**  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |  | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** |  |

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan được tính 0,25 điểm; các câu hỏi tự luận cho điểm tương ứng với cấp độ được quy định chi tiết trong hướng dẫn chấm.

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: A hoặc B hoặc C.

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở ở đơn vị kiến thức: A hoặc C.

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung** **kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị** **kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | A. Địa lí dân cư Việt Nam | A.1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư | ***Nhận biết:***- Trình bày được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư Việt Nam- Biết được một số chính sách dân số ở nước ta***Thông hiểu:***- Phân tích được nguyên nhân của dân số đông, gia tăng dân số nhanh và sự phân bố dân cư chưa hợp lí.***Vận dụng:***- Phân tích được hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí. | 1 | 1\* | 1 | 0 |
| A.2. Lao động và việc làm | ***Thông hiểu:***- Trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta.- Phân tích được vì sao việc làm đang là vấn đề gay gắt của nước ta và hướng giải quyết. | 0 | 1 | 0 | 0 |
| A.3. Đô thị hóa | ***Nhận biết:***- Trình bày được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta***Thông hiểu:***- Trình bày được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam. Nguyên nhân và hậu quả.***Vận dụng cao:***- Liên hệ được việc gia tăng dân số nhanh với đặc điểm đô thị hóa của nước ta | 1 | 1 | 0 | 1\*\*\* |
| **2** | B. Đổi mới và hội nhập – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế |  | ***Nhận biết:***- Biết công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế – xã hội ; bối cảnh và công cuộc hội nhập của nước ta.***Thông hiểu :****-* Trình bày được ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với sự phát triển kinh tế nước ta.***Vận dụng :***- Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. | 1 | 2 | 1\*\* | 0 |
| **3** | C. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam  | C.1. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp | ***Nhận biết :***- Trình bày được sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta.***Thông hiểu :***- Trình bày được cơ cấu của ngành nông nghiệp, tình hình phát triển một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta và nguyên nhân.*-* Phân tích được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thuỷ sản và một số phương hướng phát triển ngành thuỷ sản của nước ta.- Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp.***Vận dụng :***- Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. | 3 | 2 | 1\*\* | 0 |
| C.2. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp | ***Nhận biết:***- Trình bày được cơ cấu công nghiệp theo ngành, thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.- Biết được sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm.***Thông hiểu:***- Nhận xét được cơ cấu công nghiệp theo ngành, thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.- Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp.- Phân tích được tình hình phát triển của một số ngành công nghiệp trọng điểm.- Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp.***Vận dụng :***- Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. ***Vận dụng cao :***- Liên hệ để giải thích được tình hình phát triển, phân bố một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta hiện nay. | 2 | 2 | 1\*\* | 1 |
| **5** | D. Kĩ năng | Kĩ năng đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | ***Nhận biết:***- Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung về các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội.***Thông hiểu:***- Nhận xét được bảng số liệu, biểu đồ, các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.***Vận dụng:***- Vẽ biểu đồ, nhận xét, so sánh và giải thích được số liệu liên quan đến kinh tế xã hội Việt Nam. | 8 | 4 | 1 | 0 |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **2** | **1** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | **30%** |

**Lưu ý**:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ thông hiểu ở đơn vị kiến thức: A.2, A.3, B, C.1, C.2, D hoặc A.1.

- (1\*\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: A.1 hoặc B hoặc C.1 hoặc C.2 và D.

- (1\*\*\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: C.2 hoặc A.3.